

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 25/02/2022

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Toàn

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Ông Trần Long Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2021/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS, ngày 12/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S;**

Trụ sở: Số 266-268, N, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP S: **Bà Nguyễn Đức Thạch D;** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: **Ông Cao Hồng S;** Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Vĩnh Long (*Theo văn bản ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S*);

Địa chỉ: Số 35B, đường 3/2, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Hồng S: **Anh Nguyễn Phú Q –** Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Vĩnh Long (*Theo văn bản ủy quyền ngày 16/8/2021 của giám đốc Ngân hàng TMCP S chi*

nhánh Vĩnh Long) (có mặt);

Địa chỉ: Số 35B, đường 3/2, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Chị **Trần Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 165/9, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Số 94A/6 ấp C, xã D, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là TMCP) S có anh Nguyễn Phú Q trình bày:

Ngày 26/9/2020 Ngân hàng TMCP S có ký với chị Trần Nguyễn Hồng N Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị N thì Ngân hàng đã cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, số thẻ là 356480 – 8644, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn cấp thẻ là 03 năm. Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,6%/tháng, khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng và tiến hành các biện pháp khởi kiện để thu hồi nợ vay theo quy định. Sau khi cấp thẻ tín dụng chị N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 34.700.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/4/2021 chị N đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 16.600.000 đồng.

Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng chị N không có thiện chí trả nợ. Do chị Trần Nguyễn Hồng N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/4/2021 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu chị Trần Nguyễn Hồng N trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 25/02/2022 là 31.615.170 đồng trong đó nợ gốc là 22.554.981 đồng, nợ lãi quá hạn là: 9.060.189 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 26/02/2022 cho đến khi chị N thanh toán xong số nợ vay theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn chị Trần Nguyễn Hồng N đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền tính đến ngày 25/02/2022 là 31.615.170 đồng trong đó nợ gốc là 22.554.981 đồng, nợ lãi quá hạn là: 9.060.189 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 26/02/2022 cho đến khi chị N thanh toán xong số nợ vay theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Trần Nguyễn Hồng N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 31.615.170 đồng (trong đó dư nợ thẻ tín dụng là 22.554.981 đồng và 9.060.189 đồng tiền lãi quá hạn) và phải chịu lãi phát sinh của món vay cho đến khi thanh toán xong nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1575121 ngày 26/9/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Về án phí: Buộc chị Trần Nguyễn Hồng N phải chịu 1.580.758 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn chị Trần Nguyễn Hồng N cư trú tại ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Trần Nguyễn Hồng N đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ kèm Hợp đồng ngày 26/9/2020 giữa chị N với Ngân hàng TMCP S thể hiện Ngân hàng có cấp thẻ tín dụng cho chị N với hạn mức thẻ tín dụng số tiền là 20.000.000 đồng.

Đối chiếu với Bản tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của chị N có số chứng minh nhân dân 331773855, số thẻ là 356480 – 8644 là tài liệu chứng cứ do Ngân hàng TMCP S cung cấp thể hiện chị N đã thực hiện các giao dịch với số tiền là

34.700.000 đồng, các khoản phí là 2.235.441 đồng, lãi là 11.279.729 đồng, trừ số tiền 16.600.000 đồng chị N đã thanh toán thì số tiền nợ gốc chị N còn lại là 22.554.981 đồng. Từ ngày 22/4/2021 chị N không thanh toán tiền nên căn cứ vào thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều 23 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc 22.554.981 đồng sang nợ quá hạn.

Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,6%/tháng, khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất”*, vì vậy lãi suất giữa Ngân hàng và chị N thỏa thuận là phù hợp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Chị N đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy bị đơn chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N thanh toán số tiền tính đến ngày 25/02/2022 nợ gốc là 22.554.981 đồng và tiền lãi quá hạn là 9.060.189 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 31.615.170 đồng và tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 26/02/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được Tòa án chấp nhận, nên chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.580.758 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc chị Trần Nguyễn Hồng N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 25/02/2022 là 31.615.170 đồng (Ba mươi một triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, một trăm bảy mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 22.554.981 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm tám mươi một đồng), lãi quá hạn là: 9.060.189 đồng (Chín triệu, không trăm sáu mươi nghìn, một trăm tám mươi chín đồng).

Ngoài ra chị Trần Nguyễn Hồng N phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 26/02/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/9/2020 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Về án phí:

Bị đơn chị Trần Nguyễn Hồng N phải nộp 1.580.758 đồng (Một triệu, năm trăm tám mươi nghìn, bảy trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 670.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003309 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

